

**CÔNG TY TNHH YOMASTER**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH YOMASTER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YOMASTER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: YOMASTER CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109818562

**3. Ngày thành lập:** 15/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 10 thôn Văn Tinh, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0357978631

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Môi giới thương mại<br>- Đại lý thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa,<br>hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia<br>dùng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ<br>dùng nội thất tương tự; Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn<br>xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ<br>chơi, sản phẩm trò chơi;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651     |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai<br>khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu<br>điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác<br>dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ<br>tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán<br>buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn người máy thuộc dây<br>chuyền sản xuất tự động; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng<br>cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa<br>được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp,<br>thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ<br>điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo<br>lường. | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập, nhập khẩu hàng hoá<br>- Ủy thác mua bán hàng hóa                                                                 | 8299        |
| 7.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                          | 9511        |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                         | 9512        |
| 9.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                              | 6201        |
| 10. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                | 6202        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                    | 6209        |
| 12. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                 | 6311        |
| 13. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                          | 6312        |
| 14. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)                                                         | 6399        |
| 15. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                          | 7310        |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                           | 7320        |
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ.<br>- Tư vấn về công nghệ khác; | 7490        |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)                                                                                                                                              | 4791        |
| 19. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                  | 5820(Chính) |
| 20. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động - Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng                                                            | 6190        |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                    | 7730        |
| 22. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                         | 3240        |
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4741        |
| 24. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4742        |
| 25. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4762        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI VĂN LỘC \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *05/06/1996* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *036096000304*  
Ngày cấp: *27/08/2015* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*  
Địa chỉ thường trú: *Thôn Bùi Đông, Xã Mỹ Phúc, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Thôn Bùi Đông, Xã Mỹ Phúc, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội